

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ A  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 192/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21/9/ 2020

V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Kiều Oanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Thanh Liêm
2. Bà Nguyễn Thị Thảo

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hào

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:***  
Bà Nguyễn Thị Hồng Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020, về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hồng H, sinh năm 1996 (Có mặt).

Địa chỉ: Xóm 03, khu vực T, phường N1, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Anh Dương Bửu N, sinh năm 1995 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm T1, thôn Đ, xã N2, thị xã A, tỉnh Bình Định.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 08/5/2020, các văn bản tố tụng khác và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Hồng H trình bày:* Chị và anh Dương Bửu N tổ chức cưới hỏi vào tháng 8/2015, trước khi cưới có tìm hiểu khoảng vài tháng, tự nguyện đi đến hôn nhân, có giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã P, huyện T2 cấp.

Sau khi cưới, vợ chồng sống chung với gia đình chồng ở thôn Đ, xã N2. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng bình thường, khoảng vài tháng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N thay đổi tính tình, không lo làm ăn, ham chơi với bạn bè, không quan tâm đến vợ con. Vào tháng 11/2015 anh N cùng bạn bè tham gia trộm cắp tài sản và đã bị Tòa án nhân dân thị xã A xử phạt tù giam, sau khi ra tù anh vẫn tính nết tưng tưng, không quan tâm đến vợ con, anh làm có tiền tự chi tiêu riêng, vợ chồng luôn lời qua tiếng lại, chị bỏ nhà đi nhiều lần nhưng vì con lại tự quay về chung sống với gia đình chồng, mãi đến tháng 4/2019 chị dẫn con về nhà cha mẹ ruột ở, không còn chung sống với anh N từ đó cho đến nay. Suốt thời gian qua vợ chồng không ai quan tâm tới cuộc sống của ai, thỉnh thoảng anh có đến thăm con, gia đình cha mẹ hai bên có hòa

giải, nhưng không ai nhường nhịn ai. Hiện chị không còn tình cảm với anh N nữa, yêu cầu Tòa giải quyết cho chị ly hôn với anh Dương Bửu N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Dương Ái N3, sinh ngày 17/10/2016. Ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con chung không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, chị làm công nhân thu nhập bình quân 5.000.000đ/tháng, đủ chi phí nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn anh Dương Bửu N không có lời trình bày trong hồ sơ vụ án.* Sau khi thụ lý vụ án, nhiều lần Tòa tổng đạt hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng cụ thể: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa được thể hiện qua các văn bản tố tụng tại hồ sơ. Anh N có mặt tại địa phương nhưng anh cố tình vắng mặt, không chấp hành quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

*Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến nay, tất cả các hoạt động tố tụng của Thẩm phán, các hội thẩm và thư ký tuân thủ đúng pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Dương Bửu N không chấp hành nghĩa vụ của đương sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Hồng H được ly hôn với anh Dương Bửu N

Về con chung: Giao người con chung tên Dương Ái N3, sinh ngày 17/10/2016 cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh N vì chị H không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ: Chị H không yêu cầu giải quyết, miễn xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về mặt tố tụng:*

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị Hồng H yêu cầu cho chị được ly hôn với anh Dương Bửu N và yêu cầu giải quyết về con chung, nên xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Bị đơn anh N đang cư trú tại xã N2, thị xã A, tỉnh Bình Định nên theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân thị xã A.

[1.2]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh vẫn vắng mặt, không có lý do, theo điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2]. Về mặt nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng H và anh Dương Bửu N tự nguyện đi đến hôn nhân, anh chị có làm thủ tục đăng ký kết hôn, có giấy chứng nhận kết hôn số 91/2015, quyển số 01 ngày 15/9/2015 của UBND xã P, huyện T2 cấp, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, chỉ vài tháng anh N ham chơi với bạn bè, có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản người khác nên đã bị xét xử theo bản án số 30/2016/HSST ngày 31/3/2016 bị Tòa án nhân dân thị xã A, sau khi chấp hành xong hình phạt, anh về nhà nhưng anh không quan tâm đến vợ con, vợ chồng lại có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, chị bỏ nhà đi nhiều lần, gia đình có hòa giải nhưng không ai nhường nhịn ai. Qua xác minh Công an viên ở cùng địa phương, người thân và một số người dân ở địa phương cũng xác định anh N không có đăng ký hộ khẩu ở xã N2, vợ chồng anh cưới hỏi và ở tại nhà cha ruột là ông Dương Bửu H1. Thời gian gần đây họ vẫn thấy anh N ở địa phương, anh N làm công việc gì thì không ai biết. Chị H không còn ở nhà chồng hơn 01 năm nay. Tòa tổng đạt hợp lệ, nhiều lần triệu tập anh N đến Tòa hòa giải cũng như liên lạc với anh qua điện thoại nhưng anh cố tình không đến Tòa. Thực tế vợ chồng anh chị không còn chung sống hơn 01 năm nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Qua trên, thể hiện mâu thuẫn giữa anh chị thật sự đã trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung:

Đối với yêu cầu nuôi con: Qua lời trình bày của chị H và các chứng cứ có tại hồ sơ, cụ thể là bản sao giấy khai sinh số 273 quyển số 02/2016, ngày đăng ký 07/11/2016 tại UBND phường N1, xác định giữa chị H và anh N có 01 người con chung tên Dương Ái N3, sinh ngày 17/10/2016, hiện cháu đang ở với chị H, cháu N3 là con gái còn quá nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ, nên HĐXX giao cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Dương Bửu N, vì chị H không yêu cầu.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ: Chị H không yêu cầu giải quyết, miễn xét.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 BLTTDS và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thì chị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, phù hợp với nhận định trên nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, và Điều 273 BLTTDS; và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Áp dụng các Điều 51,56, 81,82,83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Cho Trần Thị Hồng H ly hôn với anh Dương Bửu N.

2. Về con chung: Giao người con chung tên Dương Ái N3, sinh ngày 17/10/2016 cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn cho đến tuổi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh N, vì chị H không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án, hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của các con, các bên có quyền yêu cầu Tòa giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, hoặc về cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ: Chị H không yêu cầu, miễn xét.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004997 ngày 29 tháng 5 năm 2020, của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

5. Quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh N vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- TAND tỉnh Bình Định
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã A;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A;
- Lưu: Văn phòng; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Huỳnh Thị Kiều Oanh**